

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân :* 1/- Bà Võ Thanh Thắng Bình  
2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Nhật Vi Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện VKSND Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :*  
Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 06 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh N. Sinh năm 1960.

Địa chỉ: 23/106A TTN 18, phường TTN, Q. MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T. Sinh năm 1955

Hộ khẩu thường trú: 49D1 TVĐ, P. C, Q. B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 49A TVĐ, P. C, Q. B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các bên đương sự cùng có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh N trình bày:* Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/86, quyển số 02 ngày 07/01/1986 tại UBND P. HH, Q. B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống chung ông bà có 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/3/1988 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 18/3/2001.

Những năm đầu sau kết hôn hai bên sống bình thường như những gia đình khác. Tuy nhiên, đến khoảng 5-7 năm sau đó, hai bên có phát sinh bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, quan điểm về giáo dục con cái; ông T thiếu sự chia sẻ, thiếu lắng nghe, thiếu trung thực, luôn áp đặt đối phương nghe lời và làm theo ý muốn của mình không quan tâm đến cảm xúc của người khác. Đã rất nhiều lần bà N góp ý để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Bà N đã rơi vào trầm cảm và tìm việc làm để lãng quên. Hai bên không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề của cuộc sống. Đỉnh điểm là vào năm 2020, ông T thường hay áp đặt suy nghĩ, nạt nộ buộc bà N phải nghe theo ý nghĩ của ông T. Đến năm 2021 có lần ông T năn nỉ bà N bỏ qua mọi chuyện nhưng bà N không đồng ý, ông T đã bóp cổ bà N dẫn đến tâm lý của bà N bị ảnh hưởng nặng nề. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Minh T1 sinh ngày 27/03/1988 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 18/03/2001 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:* Thống nhất với ý kiến của bà N về thời điểm kết hôn, con chung.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì bà N có ý định ly hôn với ông T, lý do là vì bà N bị những lời bói toán ma mị, giận hờn ông T. Sau khi ông T nói chuyện thì bà N đồng ý hàn gắn. Cách đây một năm thì bà N tiếp tục yêu cầu ly hôn với ông T cũng với những lý do không đâu. Việc bà N cho rằng ông T đã bóp cổ bà N và có ý định giết bà N là không có, có thể do bà N tưởng tượng, thực tế ông T rất yêu thương bà N nên mong muốn đoàn tụ gia đình.

Ông T đã cố gắng hòa giải nhưng bà N vẫn không đồng ý. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không gay gắt, tình cảm với bà N vẫn còn nên ông T không đồng ý ly hôn với bà N. Ông T xác định hai bên đã sống ly thân từ hơn 01 năm nay. Kể từ thời điểm ly thân đến nay, hai bên cũng không thể hàn gắn chuyện gia đình là do phía bà N không còn tình cảm với ông T nên hai bên không thể tiếp cận.

Về biện pháp hàn gắn gia đình: Cho đến nay ông T vẫn chưa có biện pháp cụ thể gì để bà N trở về với ông để hàn gắn gia đình.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa hôm nay :***

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T. Theo bà N, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do 2 bên bắt đầu quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề của cuộc sống.

Cái mong muốn lớn nhất của bà N là được giải thoát khỏi cuộc hôn nhân với ông T và có cuộc sống bình yên.

Mỗi lần khi nghĩ tới hành động bóp cổ của ông T là bà N lại bị ám ảnh, lo lắng, sợ hãi. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên

không thể đoàn tụ, bà N đã không còn niềm tin đối với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Minh T1 sinh ngày 27/03/1988 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 18/03/2001 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Ông Nguyễn Minh T: Vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn và muốn gia đình đoàn tụ. Theo ông, nguyên nhân mâu thuẫn là do phía bà N. Bản thân ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Minh T sinh ngày 27/03/1988 và Nguyễn Minh T sinh ngày 18/03/2001 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 2 cấp ngày 7/01/1986 do Ủy Ban Nhân Dân P. HH, Q. B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh N có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T có địa chỉ cư trú tại Quận 3.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N thuộc tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà N yêu cầu ly hôn vì giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn kéo dài từ nhiều năm nay. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, xung đột dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai bên đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc và trách nhiệm đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc sống chung. Bản thân ông T cũng xác định hai bên đã ra sống riêng từ năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, phía ông T từ đó đến nay vẫn chưa có biện pháp gì để khắc phục hàn gắn gia đình, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, dẫn đến việc bà N yêu cầu ly hôn vì tình cảm đối với ông T không còn.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nhận thấy các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà N và ông T cho thấy giữa bà N và ông T, sống không có trách nhiệm và quan tâm chăm sóc nhau, không thể hiện hạnh phúc gia đình, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T là có căn cứ.

Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 482, quyền số 01, cấp ngày 8/4/1988 Ủy Ban Nhân Dân P. HM, Q. B và Giấy khai sinh số 86, quyền số 1, cấp ngày 27/03/2001 của Ủy Ban Nhân Dân P. C, Q. B, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Nguyễn Minh T1 sinh 27/03/1988 và Nguyễn Minh T2 sinh 18/03/2001, có cha là Nguyễn Minh T, mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh N. Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Minh T2 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn như đã phân tích ở trên.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà N thuộc trường hợp được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

#### ***Tuyên xử:***

***1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N.***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Minh T2 sinh 27/03/1988 và Nguyễn Minh T3 sinh 18/03/2001 đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí HNGĐ-ST*: Bà Nguyễn Thị Thanh N thuộc trường hợp được miễn án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- UBND P.HH ( nay là P.C) Q.3, Tp.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Mỹ Ngọc**